

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ BƯỚC NGOẶT
PHÁT TRIỂN QUỐC GIA TRONG KỶ NGUYÊN
VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

PGS, TS HOÀNG VĂN HOAN*

Ngày nhận bài: 28/2/2026; Ngày phản biện: 1/3/2026; Ngày duyệt đăng: 16/3/2026.

Bài viết phân tích sự phát triển của lực lượng sản xuất trong bối cảnh chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, tiếp cận từ góc độ kinh tế chính trị học Mác - Lênin và quan điểm phát triển của Đảng. Trên cơ sở làm rõ nội hàm lý luận và đánh giá thực trạng lực lượng sản xuất Việt Nam giai đoạn 2024-2025, nghiên cứu chỉ ra xu hướng nổi lên của dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo như những nguồn lực sản xuất mới, qua đó đề xuất định hướng phát triển lực lượng sản xuất nhằm tạo bước ngoặt phát triển quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Lực lượng sản xuất; Chuyển đổi số; Kinh tế số; Kỷ nguyên vườn mình.

Thế giới đang chứng kiến sự chuyển đổi mang tính nền tảng dưới tác động đồng thời của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và kinh tế tri thức. Công nghệ không chỉ làm thay đổi phương thức sản xuất mà còn tái định hình cấu trúc tăng trưởng toàn cầu, nơi dữ liệu, tri thức và năng lực sáng tạo trở thành nguồn lực trung tâm tạo ra giá trị. Sự vận động này đang mở ra một giai đoạn phát triển mới của lực lượng sản xuất mang đặc trưng số hóa và trí tuệ hóa.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc - giai đoạn đòi hỏi những bước chuyển căn bản về hoàn thiện mô hình phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, câu hỏi then chốt được đặt ra: Đầu là động lực cốt lõi tạo nên bước ngoặt phát triển? Bài viết

cho rằng, bước ngoặt lịch sử phải bắt nguồn từ sự biến đổi nền tảng sản xuất, hay nói cách khác, chính là sự chuyển hóa về chất của lực lượng sản xuất.

Mặc dù chuyển đổi số đã được nghiên cứu rộng rãi, song phần lớn các tiếp cận hiện nay tập trung vào khía cạnh công nghệ và quản trị, trong khi góc nhìn từ kinh tế chính trị học về sự biến đổi của lực lượng sản xuất còn hạn chế. Xuất phát từ khoảng trống đó, bài viết vận dụng phương pháp luận duy vật lịch sử để phân tích vai trò của lực lượng sản xuất đối với bước ngoặt phát triển quốc gia, từ đó khẳng định: Vấn đề cốt lõi của kỷ nguyên mới chính là sự chuyển hóa của lực lượng sản xuất.

1. Lực lượng sản xuất trong lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin và ý nghĩa đối với phát triển quốc gia

Trong lý luận duy vật lịch sử, lực lượng sản xuất được xác lập là phạm trù phản ánh năng lực thực

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tiên của xã hội trong quá trình sản xuất vật chất và tái sản xuất đời sống xã hội. Khi phân tích cơ sở hiện thực của lịch sử loài người, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định rằng con người trước hết phải sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt để tồn tại, bởi: “Tiên đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại thì dĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống [...] tiên đề đầu tiên của mọi lịch sử, đó là: người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể “làm ra lịch sử”. Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 1995, 29-30). Từ điểm xuất phát đó, lịch sử xã hội được hiểu như quá trình phát triển của hoạt động sản xuất vật chất, trong đó lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ hiện thực giữa con người với tự nhiên thông qua lao động.

Trong tiến trình phát triển của nền đại công nghiệp, C.Mác chỉ ra rằng trình độ phát triển kinh tế của các thời đại không được phân biệt chủ yếu bởi sản phẩm, mà bởi phương thức sản xuất và trình độ công cụ lao động. “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 2002, 269). Công cụ lao động, vì vậy, trở thành dấu hiệu vật chất phản ánh trình độ phát triển của sức lao động xã hội. Sự biến đổi của công cụ sản xuất đồng thời kéo theo sự biến đổi của tổ chức lao động, cơ cấu kinh tế và đời sống xã hội.

Cùng với sự phát triển của sản xuất, khoa học ngày càng tham gia trực tiếp vào quá trình tạo ra của cải vật chất. Khi phân tích hệ thống máy móc trong nền đại công nghiệp, C.Mác nhấn mạnh rằng tri thức khoa học được kết tinh trong hệ thống máy móc đã trở thành sức mạnh

sản xuất độc lập của xã hội. Như C.Mác viết: “Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến đã chuyển hóa đến mức độ nào thành *lực lượng sản xuất trực tiếp*” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 2000, 372). Điều này cho thấy, lực lượng sản xuất không ngừng mở rộng nội dung của mình, từ lao động thủ công sang lao động cơ khí và từ lao động cơ khí sang lao động trí tuệ.

Từ các luận điểm kinh điển đó, lực lượng sản xuất được nhận diện như chỉnh thể thống nhất giữa con người lao động, hệ thống tư liệu sản xuất và trình độ khoa học, công nghệ. Người lao động giữ vai trò chủ thể sáng tạo, mang trong mình sức lao động, tri thức và kinh nghiệm xã hội tích lũy trong lịch sử. Công cụ và tư liệu sản xuất phản ánh trình độ chinh phục tự nhiên của xã hội loài người. Khoa học và tri thức kỹ thuật ngày càng trở thành yếu tố trực tiếp của sản xuất khi được vật chất hóa trong công nghệ và quy trình sản xuất.

Trong kết cấu của phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại trong mối quan hệ biện chứng. C.Mác chỉ ra rằng: “Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có [...] Từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành xiềng xích của các lực lượng sản xuất” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 1993, 15). Quy luật này phản ánh tính năng động của lực lượng sản xuất và tính lịch sử của các quan hệ xã hội. Khi trình độ kỹ thuật, tổ chức lao động và tri thức xã hội thay đổi, các thiết chế kinh tế và xã hội cũng phải điều chỉnh tương ứng để duy trì khả năng phát triển.

Phân tích của V.I.Lênin về sự phát triển của đại công nghiệp cũng cho thấy những biến đổi trong kỹ thuật sản xuất có tác động sâu sắc đến phân công lao động và tổ chức sản xuất trên quy mô toàn xã

hội. Theo ông, đại công nghiệp cơ khí đã làm biến đổi tận gốc sự phân công lao động và tổ chức sản xuất trong toàn bộ đời sống kinh tế (V. I. Lênin, 2005, 571). Sự phát triển xã hội, vì vậy, không chỉ được phản ánh qua tăng trưởng kinh tế mà trước hết thể hiện ở trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và mức độ phù hợp của các quan hệ xã hội với lực lượng sản xuất đó.

Lịch sử phát triển kinh tế thế giới cho thấy, các bước ngoặt phát triển quốc gia luôn gắn với những bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất. Công nghiệp hóa đánh dấu sự thay thế lao động thủ công bằng máy móc cơ khí và hình thành nền sản xuất quy mô lớn. Điện khí hóa tiếp tục làm biến đổi tổ chức sản xuất và mở rộng khả năng sản xuất hàng loạt. Bước sang thời đại kinh tế tri thức, tri thức khoa học trở thành nguồn lực trung tâm của tăng trưởng. Hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu, thuật toán và các hệ thống thông minh đang nổi lên như những yếu tố mới của lực lượng sản xuất, trực tiếp tham gia vào quá trình tạo ra giá trị và làm thay đổi phương thức tổ chức sản xuất trong nền kinh tế hiện đại.

Từ góc độ lý luận, sự vận động đó cho thấy, phát triển quốc gia không chỉ là sự gia tăng sản lượng, mà trước hết là sự biến đổi nền tảng của phương thức sản xuất. Khi cấu trúc lực lượng sản xuất thay đổi, các yếu tố tạo ra năng suất, mô hình tăng trưởng và vị thế quốc gia trong hệ thống kinh tế thế giới cũng thay đổi tương ứng. Vì vậy, bước ngoặt phát triển của các quốc gia thường gắn với việc nạp một biến số mới vào hàm sản xuất của nền kinh tế, tức là sự xuất hiện và phổ biến của một nguồn lực sản xuất mới có khả năng chi phối quá trình tạo ra giá trị. Khi biến số mới đó trở thành yếu tố trung tâm của hệ thống sản xuất, nền kinh tế sẽ chuyển sang một nguyên lý vận động mới và mở ra một quỹ đạo phát triển mới.

2. Quan điểm của Đảng về phát triển lực lượng sản xuất qua các kỳ Đại hội

Nhận thức của Đảng về phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới luôn vận động cùng với sự biến đổi của nền tảng sản xuất xã hội. Ngay từ Đại hội VI (năm 1986), đổi mới được xác định trước hết là đổi mới tư duy kinh tế nhằm giải phóng năng lực sản xuất của xã hội, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội và đưa đất nước phát triển. Tinh thần giải phóng lực lượng sản xuất được khẳng định ngay từ bước ngoặt đầu tiên của thời kỳ đổi mới: “*Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019a, 47). Đây là nền móng cho quá trình chuyển đổi mô hình phát triển sau này. Bước sang Đại hội VII (năm 1991), trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng tiếp tục khẳng định phát triển lực lượng sản xuất gắn với công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ: “... phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019a, 429).

Đại hội VIII (năm 1996) đánh dấu bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng khi xác định rõ mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với sự phát triển của lực lượng sản xuất: “Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công

ngành có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019a, 638). Đại hội IX của Đảng (năm 2001) tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế: “*Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa...*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019a, 864-865).

Tại Đại hội X của Đảng (năm 2006), nhận thức về lực lượng sản xuất được đặt trong tổng thể đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng, “có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019b, 18-19). Đồng thời, Đại hội X cũng nhấn mạnh mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức nhằm giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019b, 106). Đại hội XI (năm 2011) bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991, tiếp tục khẳng định đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa với nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại: “... có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019b, 316). Đồng thời, Đảng cũng nhấn

mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế để giải phóng các nguồn lực của nền kinh tế: “Hoàn thiện thể chế để tháo gỡ mọi cản trở, tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2019b, 463-464). Đại hội XII (năm 2019) tiếp tục làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong bối cảnh phát triển mới, nhấn mạnh yêu cầu giải quyết tốt mối quan hệ “giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, 80). Đồng thời khẳng định, “lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu” của công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, 90).

Bước ngoặt quan trọng trong nhận thức về lực lượng sản xuất xuất hiện tại Đại hội XIII (năm 2021), khi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực then chốt của phát triển (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, 140).

Tại Đại hội XIV (năm 2026), định hướng phát triển lực lượng sản xuất tiếp tục được đặt trong bối cảnh của kinh tế số và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Đảng xác định rõ mục tiêu: “Đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, 144). Đồng thời, nhấn mạnh trọng tâm của giai đoạn này là đột phá về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số: “Tập trung triển khai đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo nền tảng cho phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, 145).

Nhìn tổng thể, tiến trình nhận thức của Đảng qua các kỳ Đại hội từ Đại hội VI đến Đại hội

XIV phản ánh một logic phát triển nhất quán của lực lượng sản xuất trong điều kiện lịch sử mới. Từ yêu cầu giải phóng năng lực sản xuất ở Đại hội VI đến xác lập con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các Đại hội VII, VIII và IX; từ việc nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ, giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao ở các Đại hội X, XI và XII đến việc đặt khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm nền tảng hình thành lực lượng sản xuất mới ở các Đại hội XIII và XIV, tư duy phát triển của Đảng ngày càng gắn chặt với sự biến đổi của nền tảng sản xuất xã hội. Tiến trình đó có thể được hiểu như quá trình nền kinh tế từng bước nạp thêm các biến số mới vào hàm sản xuất xã hội. Chính sự xuất hiện và phổ biến của những biến số mới này tạo nên bước ngoặt phát triển của nền kinh tế, khi nguyên lý vận động của hệ thống sản xuất thay đổi và một quỹ đạo phát triển mới của quốc gia được hình thành.

3. Thực trạng lực lượng sản xuất của Việt Nam và những vấn đề đặt ra

Sự vận động của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay không còn phản ánh đơn thuần quá trình tích lũy tuyến tính của công nghiệp hóa mà đang chuyển sang trạng thái chuyển đổi nền tảng. Theo kinh tế chính trị học Mác - Lênin, lực lượng sản xuất không chỉ bao gồm các yếu tố vật chất như tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động, mà còn phản ánh trình độ công nghệ, tri thức và năng lực tổ chức xã hội của quá trình sản xuất. Khi các yếu tố công nghệ và tri thức mới xuất hiện, làm thay đổi cấu trúc tư liệu sản xuất và phương thức tổ chức lao động, lực lượng sản xuất bước vào giai đoạn chuyển pha lịch sử. Trong bối cảnh kinh tế số và trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ trên toàn cầu, quá trình chuyển đổi này ngày càng rõ nét ở nhiều nền kinh tế, trong đó có Việt Nam.

Quá trình chuyển đổi lực lượng sản xuất ở Việt Nam thể hiện rõ qua sự biến đổi cơ cấu lao động, mức thu nhập và mức độ phổ cập công nghệ số. Các chỉ báo tiêu biểu được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Chuyển dịch cơ cấu lao động và hạ tầng số Việt Nam (giai đoạn 1990-2024)

Chỉ số	Đơn vị	1990	2000	2010	2020	2024
Lao động nông nghiệp	% tổng lao động	73,1	65,3	48,2	33,1	27,5
Lao động công nghiệp	% tổng lao động	11,1	13,0	21,7	27,6	30,5
Lao động dịch vụ	% tổng lao động	15,8	21,7	30,1	39,3	42,0
GDP bình quân đầu người	USD hiện hành	98	402	1.318	2.786	4.284
Người sử dụng internet	% dân số	0,0	0,3	30,7	70,3	78,8

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Chỉ số phát triển thế giới (World Development Indicators) của Ngân hàng Thế giới (WB); Chỉ số khoa học và công nghệ chính (Main Science and Technology Indicators) của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD); và Cơ sở dữ liệu ILOSTAT (ILOSTAT Database) của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)

Chú thích: Chuỗi số liệu được tổng hợp cho các mốc năm đại diện trong giai đoạn 1990-2024.

Bảng 1 cho thấy, lực lượng sản xuất tại Việt Nam đã chuyển dịch mạnh mẽ từ cấu trúc nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ trong hơn ba thập kỷ qua. Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm mạnh từ 73,1% (năm 1990) xuống 27,5% (năm 2024); khu vực công nghiệp và dịch vụ ngày càng giữ vai trò chủ đạo. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 98 USD lên 4.284 USD, phản ánh quá trình mở rộng quy mô sản xuất và tích lũy vốn. Đặc biệt, tỷ lệ người sử dụng internet đạt gần 80% dân số, cho thấy hạ tầng số đã trở thành bộ phận phổ cập của nền sản xuất hiện đại.

Các chỉ báo này phản ánh thực tế: Lực lượng sản xuất ở Việt Nam đang mang cấu trúc đa tầng. *Một mặt*, các yếu tố sản xuất truyền thống như vốn, lao động và mở rộng quy mô vẫn là nền tảng tăng trưởng. *Mặt khác*, các yếu tố mới

như dữ liệu, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và AI đang hình thành một lớp lực lượng sản xuất mới. Sự tồn tại đồng thời các lớp sản xuất với tốc độ phát triển khác nhau tạo ra trạng thái lệch nhịp: Mặc dù tăng trưởng duy trì ở mức khá cao, nhưng năng suất tổng hợp, mức độ tự chủ công nghệ và chất lượng việc làm vẫn chưa tương xứng với quy mô phát triển.

Để nhận diện đầy đủ hơn quá trình chuyển đổi lực lượng sản xuất, cần đặt Việt Nam trong tương quan với các nền kinh tế Đông Á đã trải qua quá trình công nghiệp hóa. Phương pháp so sánh theo giai đoạn phát triển tương đồng - thời điểm các quốc gia bước vào ngưỡng thu nhập trung bình - cho phép nhận diện quy luật chung của quá trình nâng cấp lực lượng sản xuất. Kết quả so sánh được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2: So sánh chuyển đổi lực lượng sản xuất: Việt Nam - Hàn Quốc - Trung Quốc (giai đoạn tương đồng)

Chỉ số	Đơn vị	Hàn Quốc (1969)	Hàn Quốc (1979)	Trung Quốc (1997)	Trung Quốc (2007)	Việt Nam (2009)	Việt Nam (2019)
GDP/người	USD	2.500	5.800	1.050	3.400	1.200	2.800
Lao động nông nghiệp	%	50,4	34,1	49,9	40,8	48,2	34,5
Lao động công nghiệp	%	21,3	30,5	23,5	27,8	21,7	28,3
Lao động dịch vụ	%	28,3	35,4	26,6	31,4	30,1	37,2
Xuất khẩu/GDP	%	11,2	28,7	18,6	35,4	62,7	106,8
Chi R&D/GDP	%	0,3	0,8	0,6	1,4	0,19	0,53

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Chỉ số phát triển thế giới (World Development Indicators) của Ngân hàng Thế giới (WB); Chỉ số khoa học và công nghệ chính (Main Science and Technology Indicators) của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD); và Cơ sở dữ liệu ILOSTAT (ILOSTAT Database) của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)
Chú thích: Các mốc thời gian được lựa chọn theo phương pháp so sánh giai đoạn phát triển tương đồng (thời điểm các quốc gia bước vào ngưỡng thu nhập trung bình)

Bảng 2 cho thấy, 3 đặc điểm cơ bản của quá trình chuyển đổi lực lượng sản xuất ở các nền kinh tế Đông Á: 1) Lao động nông nghiệp giảm nhanh là dấu hiệu ban đầu của nâng cấp lực lượng sản xuất, phản ánh sự dịch chuyển lao động sang các ngành có năng suất cao hơn; 2) Công nghiệp hóa gắn với mở rộng thương mại quốc tế đóng vai trò là cơ chế thu hút lao động và tích lũy vốn; 3) Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển trở thành yếu tố quyết định khi nền kinh tế chuyển từ công nghiệp hóa sang kinh tế tri thức.

Việt Nam thể hiện sự kết hợp đặc thù với mức độ hội nhập kinh tế quốc tế rất cao nhưng năng lực công nghệ nội sinh còn hạn chế. Tỷ lệ xuất khẩu trên GDP ở giai đoạn tương đồng của Việt Nam cao hơn đáng kể so với Hàn Quốc và Trung Quốc, phản ánh mức độ tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển vẫn ở mức thấp, cho thấy năng lực công nghệ lõi chưa theo kịp tốc độ hội nhập. Nền kinh tế dù tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất toàn cầu nhưng phần lớn giá trị gia tăng vẫn tập trung ở các khâu gia công, lắp ráp những công đoạn có hàm lượng công nghệ và tri thức thấp.

Trong bối cảnh hạ tầng số phát triển nhanh và dữ liệu trở thành yếu tố sản xuất mới, nền kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển pha của lực lượng sản xuất. Quá trình này đồng thời làm bộc lộ những mất cân đối mang tính cấu trúc, cụ thể là:

Một là, năng lực hấp thụ và làm chủ công nghệ của nền kinh tế còn yếu. Quá trình chuyển giao công nghệ thông qua khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài diễn ra phổ biến nhưng chưa tạo hiệu ứng lan tỏa đủ mạnh để nâng cao năng lực công nghệ nội sinh.

Hai là, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của phương thức sản xuất mới. Hạ tầng số đã phổ cập rộng rãi, nhưng năng lực khai thác dữ liệu và vận hành công nghệ số của người lao động vẫn còn hạn chế.

Ba là, thể chế thích ứng với kinh tế số và trí tuệ nhân tạo còn độ trễ nhất định. Các mô hình sản xuất - kinh doanh mới dựa trên dữ liệu và nền tảng số phát triển nhanh, nhưng khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội phát sinh chưa theo kịp.

Như vậy, điểm nghẽn mang tính quyết định đối với tương lai kinh tế Việt Nam không nằm ở tốc độ tăng trưởng hay quy mô nền kinh tế, mà ở sự thiếu đồng bộ giữa các thành tố của lực lượng sản xuất trong giai đoạn chuyển pha lịch sử. Hạ tầng kỹ thuật số phát triển nhanh, trong khi năng lực công nghệ lõi, kỹ năng lao động và thể chế thích ứng vận động chậm hơn, tạo ra trạng thái mở rộng về lượng nhưng chậm chuyển hóa về chất.

Sự nổi lên của lực lượng sản xuất dựa trên dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo chính là bước ngoặt của quá trình phát triển. So sánh với các nền kinh tế Đông Á trong giai đoạn chuyển đổi tương tự cho thấy Việt Nam đang đứng trước một ngã rẽ lịch sử. Đó là, tiếp tục bám vào quỹ đạo công nghiệp hóa dựa vào gia công và hội nhập, hay chuyển sang quỹ đạo phát triển dựa trên năng lực làm chủ công nghệ, tri thức và đổi mới sáng tạo. Đây là điểm “chuyển pha” của lực lượng sản xuất ở Việt Nam trong kỷ nguyên kinh tế số - nơi lớp sản xuất công nghiệp truyền thống vẫn giữ vai trò vật chất chủ đạo, nhưng lớp lực lượng sản xuất dựa trên dữ liệu và công nghệ đang hình thành và bắt đầu định hình lại quỹ đạo phát triển quốc gia.

4. Định hướng giải pháp phát triển lực lượng sản xuất tạo bước ngoặt phát triển quốc gia trong kỷ nguyên mới

Bước ngoặt phát triển quốc gia trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc trước hết là bước ngoặt của nền tảng sản xuất xã hội. Trong lịch sử phát triển kinh tế, mỗi giai đoạn chuyển tiếp của phương thức sản xuất đều gắn với sự hình thành những yếu tố mới của lực lượng sản xuất và sự tái cấu trúc các nguồn lực phát triển. Trong bước chuyển của nền kinh tế số, lực lượng sản xuất của thời đại không còn được xác định chủ yếu bởi tư liệu vật chất truyền thống, mà ngày càng được định hình bởi dữ liệu, tri thức và công nghệ số - những yếu tố đang hình thành một dạng lực lượng sản xuất mới của nền kinh tế hiện đại. Vì vậy, chiến lược phát triển trong giai đoạn hiện nay cần được định hình trước hết từ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất hiện đại - nền tảng vật chất của bước ngoặt phát triển quốc gia. Định hướng phát triển lực lượng sản xuất nhằm tạo bước ngoặt phát triển quốc gia có thể khái quát trên các phương diện chủ yếu sau đây:

Một là, định hướng tổng thể phải đặt trọng tâm vào phát triển lực lượng sản xuất hiện đại dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong nền kinh tế tri thức, khoa học, công nghệ không chỉ đóng vai trò hỗ trợ mà đã trở thành yếu tố trực tiếp của quá trình tạo ra giá trị. Điều này phản ánh sự chuyển dịch căn bản từ mô hình tăng trưởng dựa vào mở rộng vốn và lao động sang mô hình phát triển dựa trên năng suất, sáng tạo và giá trị tri thức. Con người, với tư cách chủ thể sáng tạo tri thức và công nghệ, trở thành trung tâm của lực lượng sản xuất mới.

Hai là, cần hoàn thiện thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế số và phương thức sản

xuất mới. Khi dữ liệu trở thành một yếu tố đầu vào quan trọng của sản xuất, thể chế kinh tế không thể tiếp tục vận hành theo logic quản lý truyền thống. Thể chế phát triển trong giai đoạn mới phải hướng tới giải phóng và kết nối các nguồn lực của nền kinh tế, tạo lập môi trường thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm khả năng khai thác hiệu quả các nguồn lực tri thức và dữ liệu.

Ba là, phát triển khoa học, công nghệ và hạ tầng số phải trở thành nền tảng vật chất của lực lượng sản xuất hiện đại. Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ toàn cầu ngày càng gay gắt, năng lực làm chủ công nghệ lõi có ý nghĩa quyết định đối với tính tự chủ của nền kinh tế. Việc xây dựng hạ tầng dữ liệu, các nền tảng kết nối số và hệ thống tính toán hiện đại không chỉ thúc đẩy quá trình số hóa nền kinh tế mà còn làm cho dữ liệu thực sự vận hành như một tư liệu sản xuất mới của thời đại số.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực phải được coi là khâu đột phá trong quá trình hình thành lực lượng sản xuất mới. Trong kỷ nguyên AI, năng lực số, tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời trở thành những năng lực nền tảng của người lao động. Giáo dục và đào tạo cần chuyển từ mô hình truyền thụ tri thức sang phát triển năng lực sáng tạo, thích ứng và đổi mới, đồng thời thúc đẩy quá trình đào tạo lại lực lượng lao động nhằm thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của công nghệ.

Năm là, phát huy vai trò kiến tạo và điều phối phát triển của Nhà nước trong quá trình hình thành lực lượng sản xuất hiện đại. Trong nền kinh tế số, Nhà nước không chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính mà còn đóng vai trò kiến tạo môi trường phát triển, định hướng chiến lược công nghệ và thúc đẩy sự hình

thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Thông qua đầu tư công dẫn dắt và liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu, Nhà nước giữ vai trò điều phối quá trình chuyển đổi của nền tảng sản xuất.

Nhìn từ góc độ lý luận kinh tế chính trị, các định hướng trên thực chất hướng tới việc hình thành lực lượng sản xuất hiện đại làm nền tảng cho một quỹ đạo phát triển mới của nền kinh tế. Xét đến cùng, bước ngoặt phát triển của một quốc gia chính là thời điểm nền kinh tế “nạp” được một biến số mới vào hàm sản xuất quốc gia, làm thay đổi nguyên lý vận hành của hệ thống sản xuất và mở ra một quỹ đạo phát triển mới. Trong bối cảnh hiện nay, những biến số mới đó chính là dữ liệu, công nghệ số, AI và năng lực đổi mới sáng tạo - những yếu tố đang tái định hình căn bản cấu trúc của lực lượng sản xuất hiện đại. Chính sự hình thành và phổ biến của những yếu tố này sẽ tạo nên bước ngoặt

phát triển của nền kinh tế, mở ra khả năng bứt phá của quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Tóm lại, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc trước hết là sự chuyển biến về chất của lực lượng sản xuất. Khoa học, công nghệ, dữ liệu và AI đang tái định hình phương thức tạo ra của cải, cấu trúc lao động và nền tảng cạnh tranh quốc gia. Bước ngoặt phát triển của Việt Nam do đó không còn phụ thuộc chủ yếu vào mở rộng vốn hay lao động, mà gắn trực tiếp với năng lực hình thành lực lượng sản xuất hiện đại dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tổ chức và khai thác hiệu quả các nguồn lực mới này là nhân tố quyết định để hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời, quá trình chuyển đổi đặt ra yêu cầu nghiên cứu sâu về sự điều chỉnh của quan hệ sản xuất trong nền kinh tế số, bảo đảm sự phù hợp giữa nền tảng sản xuất mới và thể chế phát triển quốc gia ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác & Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. C.Mác & Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. C.Mác & Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t.46, phần II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. C.Mác & Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t.23, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019a), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019b), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. ILO (n.d), *ILOSTAT Database*, <https://ilostat.ilo.org>
11. OECD (n.d), *Main Science and Technology Indicators*, <https://www.oecd.org/sti/msti.htm>
12. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. WB (n.d), *World Development Indicators*, <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators>